

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU NGANG
TỈNH TRÀ VINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 19/2024/HS-ST.
Ngày 27/12/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Thanh Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Văn Mên.

Ông Nguyễn Trung Hòa.

Thư ký phiên tòa: Ông Chung Hữu Toàn, là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Hứa Văn Biên - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2024. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 14/2024/TLST- HS, ngày 28 tháng 10 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2024/QĐXXST-HS, ngày 11 tháng 12 năm 2024 đối với:

Bị cáo Phạm Văn T, sinh ngày 01 tháng 5 năm 1974, nơi sinh tại tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do. Nơi cư trú: Thôn M, xã X, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Chỗ ở hiện nay: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn Q, sinh năm 1951 (đã chết) và bà Đỗ Thị T1, sinh năm 1953; vợ tên Nguyễn Thị Y, sinh năm 1977; con có 02 người, lớn nhất sinh năm 2000, nhỏ nhất sinh năm 2002; anh, chị, em ruột gồm có 09 người (kể cả bị cáo), lớn nhất là bị cáo, nhỏ nhất sinh năm 1995.

Tiền án: Không; Tiền sự: Không; nhân thân: Xấu, có 01 án tích. Ngày 23/9/2011 bị Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xử phạt 24 tháng tù cho hưởng án treo về tội Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ (đã được xóa án tích); bị cáo bị bắt tạm giam ngày 03/7/2024 đến nay. Bị cáo có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Chị Nguyễn Thị Ánh T2, sinh ngày 01/01/1981. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị O, sinh ngày 08/10/1971. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Khóm M, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Chị Võ Thị Thùy D, sinh ngày 10/12/1983. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị T3, sinh ngày 01/01/1972. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Ấp C, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Chị Phạm Thị Ngọc H, sinh ngày 08/10/1995. Địa chỉ: Ấp B, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Chị Lê Thị L, sinh ngày 08/12/1979. Địa chỉ: Ấp T, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bà Lê Thị L1, sinh ngày 01/01/1969. Địa chỉ: Ấp N, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Chị Kiên Thị Mai T4, sinh ngày 17/4/1983. Địa chỉ: Ấp S, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị L2, sinh ngày 08/10/1974. Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bà Tô Thị L3, sinh ngày 01/01/1972. Địa chỉ: Ấp K, xã K, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bà Dương Thị Thúy P, sinh ngày 01/01/1966. Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Chị Nguyễn Thị Y, sinh ngày 11/11/1977. Địa chỉ: Thôn M, xã X, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Có mặt.

Vật chứng cần đưa ra xem xét tại phiên tòa: Không.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Phạm Văn T có nơi thường trú tại Thôn M, xã X, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Vào khoảng tháng 3 năm 2023, bị cáo đến tạm trú tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh, mục đích để cho người khác vay tiền lấy lãi suất cao (cho vay lãi nặng) bằng cách rải tờ rơi có nội dung “cho vay trả góp, số điện thoại và tên anh T5” để người nào muốn vay tiền thì liên hệ với bị cáo. Bị cáo Phạm Văn T cho vay lãi nặng để thu lợi bất chính với hai hình thức:

- Một là cho vay lãi đứng (thu lãi hàng ngày, không tính tiền gốc) với lãi suất là 20.000đ/1.000.000đ/ngày (tương đương lãi suất 02%/ngày, 60%/tháng và 730%/năm).

- Hai là cho vay lãi góp (thu tiền gốc và tiền lãi hàng ngày) gồm có: Kỳ hạn cho vay lãi góp 30 ngày với lãi suất là 6.667đ/1.000.000đ/ngày (tương đương lãi suất 0,667%/ngày, 20,01%/tháng và 243%/năm). Kỳ hạn cho vay lãi góp 25 ngày với lãi suất là 10.000đ/1.000.000đ/ngày (tương đương lãi suất 01%/ngày, 30%/tháng và 365%/năm). Ngoài ra, bị cáo còn lấy phí vay tùy theo số tiền cho vay.

Quá trình điều tra xác định từ khoảng tháng 3 năm 2023 đến khoảng tháng 3 năm 2024 bị cáo Phạm Văn T cho 11 người trên địa bàn huyện C vay lãi nặng, cụ thể như sau:

1. Chị Phạm Thị Ngọc H, sinh năm 1995, ngụ ấp B, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh vay 02 hình thức:

- Cho vay lãi đứng: Từ ngày 27/5/2023 đến ngày 06/9/2023, bị cáo cho chị H vay 07 lần, tổng số tiền vay là 130.000.000 đồng, lãi suất 730%/năm. Tổng số tiền lãi và phí vay bị cáo đã nhận được từ chị H là 72.050.000 đồng, số tiền được phép thu theo quy định của pháp luật là 1.734.247 đồng, thu lợi bất chính số tiền 70.315.753 đồng. Hiện nay chị H còn nợ bị cáo số tiền gốc là 30.000.000 đồng.

- Cho vay lãi góp: Từ tháng 4/2023 đến ngày 27/7/2023, bị cáo cho chị H vay 04 lần, mỗi lần góp trong kỳ hạn 25 ngày, tổng số tiền vay là 35.000.000 đồng, lãi suất 365%/năm, tổng số tiền đã góp đến ngày 06/8/2023 là 43.750.000 đồng, tổng số tiền lãi và phí vay bị cáo nhận từ chị H là 10.250.000 đồng, số tiền được phép thu theo quy định của pháp luật là 479.452 đồng, thu lợi bất chính số tiền 9.770.548 đồng. Chị H đã trả tiền gốc, lãi và phí vay đầy đủ.

2. Chị Nguyễn Thị Ánh T2, sinh năm 1981, ngụ khóm Mỹ C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh: Từ tháng 4 năm 2023 đến ngày 18/7/2023, bị cáo cho chị T2 vay tiền lãi góp được 05 lần, mỗi lần góp trong kỳ hạn 25 ngày, tổng số tiền vay 70.000.000 đồng, lãi suất 365%/năm, tổng số tiền đã góp đến ngày 11/8/2023 là 87.500.000 đồng, tổng số tiền lãi và phí vay bị cáo nhận từ chị T2 là 21.000.000 đồng, số tiền được phép thu theo quy định pháp luật là 958.904 đồng, thu lợi bất chính số tiền 20.041.096 đồng. Chị T2 đã trả tiền gốc, lãi và phí vay đầy đủ.

3. Chị Lê Thị L, sinh năm 1979, ngụ ấp T, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh: Từ ngày 15/9/2023 đến ngày 24/01/2024, bị cáo cho chị L vay tiền lãi góp được 06 lần, mỗi lần góp trong kỳ hạn 25 ngày, tổng số tiền vay là 60.000.000 đồng, lãi suất 365%/năm, tổng số tiền đã góp đến ngày 02/02/2024 là 67.500.000 đồng, tổng số tiền lãi và phí vay bị cáo nhận được từ chị L là 16.500.000 đồng, số tiền được phép thu theo quy định của pháp luật là 739.725 đồng, thu lợi bất chính số tiền 15.760.275 đồng. Hiện nay chị L còn nợ tiền gốc của bị cáo ở lần vay cuối là 6.000.000 đồng.

4. Chị Nguyễn Thị O, sinh năm 1971, ngụ khóm Mỹ C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh: Từ tháng 3/2023 đến tháng 4/2023, bị cáo cho chị O vay tiền lãi góp được 02 lần, tổng số tiền vay là 10.000.000 đồng, lãi suất 243%/năm, tổng số tiền đã góp là 12.000.000 đồng, tổng số tiền lãi và phí vay bị cáo nhận được từ chị O là 2.200.000 đồng, số tiền được phép thu theo quy định của pháp luật là 164.384 đồng, thu lợi bất chính số tiền 2.035.616 đồng. Chị O đã trả tiền gốc, lãi và phí vay đầy đủ.

5. Chị Kiên Thị Mai T4, sinh năm 1983, ngụ ấp S, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh: Từ ngày 11/12/2023 đến ngày 27/02/2024, bị cáo cho chị T4 vay tiền lãi góp được 04 lần, tổng số tiền vay là 15.000.000 đồng, lãi suất 365%/năm, tổng số tiền đã góp 15.000.000 đồng, tổng số tiền lãi bị cáo nhận được từ chị T4 là 3.000.000 đồng, số tiền được phép

thu theo quy định của pháp luật là 164.384 đồng, thu lợi bất chính số tiền 2.835.616 đồng. Chị T4 còn nợ 3.000.000 đồng tiền gốc ở lần vay cuối kỳ chưa trả.

6. Chị Nguyễn Thị L2, sinh năm 1974, ngụ ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh: Từ tháng 10 năm 2023 đến ngày 01/02/2024, bị cáo cho chị L2 vay tiền lãi gộp được 04 lần, tổng số tiền vay là 20.000.000 đồng, lãi suất 365%/năm, tổng số tiền đã gộp 22.000.000 đồng, tổng số tiền lãi bị cáo nhận được từ chị L2 là 4.400.000 đồng, số tiền được phép thu theo quy định của pháp luật là 241.095 đồng, thu lợi bất chính số tiền 4.158.905 đồng. Chị L2 còn nợ tiền gốc vay của bị cáo ở lần vay cuối là 2.400.000 đồng.

7. Chị Tô Thị L3, sinh năm 1972, ngụ ấp K, xã K, huyện C, tỉnh Trà Vinh: Từ tháng 11 năm 2023 đến tháng 02 năm 2024, bị cáo cho chị L3 vay tiền lãi gộp được 04 lần, tổng số tiền vay là 18.000.000 đồng, lãi suất 365%/năm, tổng số tiền đã gộp 19.500.000 đồng, tổng số tiền lãi và phí vay bị cáo nhận được từ chị L3 là 4.050.000 đồng, số tiền được phép thu theo quy định của pháp luật là 213.699 đồng, thu lợi bất chính số tiền 3.836.301 đồng. Chị L3 còn nợ tiền gốc vay của bị cáo ở lần vay cuối là 2.400.000 đồng.

8. Chị Dương Thị Thúy P, sinh năm 1966, ngụ ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh: Từ tháng 12 năm 2023 đến tháng 02 năm 2024, bị cáo cho chị P vay tiền lãi gộp được 03 lần, tổng số tiền vay là 9.000.000 đồng, lãi suất 365%/năm, tổng số tiền đã gộp 9.450.000 đồng, tổng số tiền lãi và phí vay bị cáo nhận được từ chị P là 2.040.000 đồng, số tiền được phép thu theo quy định của pháp luật là 103.562 đồng, thu lợi bất chính số tiền 1.936.438 đồng. Chị P còn nợ tiền gốc vay của bị cáo ở lần vay cuối là 1.440.000 đồng.

9. Chị Võ Thị Thùy D, sinh năm 1983, ngụ ấp C, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh: Vào ngày 06/3/2024, bị cáo cho chị D vay tiền lãi gộp được 01 lần, tổng số tiền vay là 2.000.000 đồng, lãi suất 365%/năm, tổng số tiền đã gộp 200.000 đồng, tổng số tiền lãi và phí vay bị cáo nhận được từ chị D là 140.000 đồng, số tiền được phép thu theo quy định của pháp luật là 2.192 đồng, thu lợi bất chính số tiền 137.808 đồng. Chị D còn nợ tiền gốc vay của bị cáo ở lần vay cuối là 1.840.000 đồng.

10. Chị Nguyễn Thị T3, sinh năm 1972, ngụ ấp C, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh: Vào ngày 06/3/2024, bị cáo cho chị T3 vay tiền lãi gộp được 01 lần, tổng số tiền vay là 3.000.000 đồng, lãi suất 365%/năm, tổng số tiền đã gộp 300.000 đồng, tổng số tiền lãi và phí vay bị cáo nhận được từ chị T3 là 210.000 đồng, số tiền được phép thu theo quy định của pháp luật là 3.288 đồng, thu lợi bất chính số tiền 206.712 đồng. Chị T3 còn nợ tiền gốc vay của bị cáo ở lần vay cuối là 2.760.000 đồng.

11. Chị Lê Thị L1, sinh năm 1969, ngụ ấp N, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh: Từ tháng 11 năm 2023 đến tháng 02 năm 2024, bị cáo cho chị L1 vay tiền lãi gộp được 02 lần, tổng số tiền vay là 8.000.000 đồng, lãi suất 365%/năm, tổng số tiền đã gộp 8.600.000 đồng, tổng số tiền lãi và phí vay bị cáo nhận được từ chị L1 là 2.120.000 đồng, số tiền được phép thu theo quy định của pháp luật là 94.247 đồng, thu lợi bất chính số tiền 2.025.753 đồng. Chị L1 còn nợ tiền gốc vay của bị cáo ở lần vay cuối là 1.120.000 đồng.

Như vậy, trong khoảng thời gian từ tháng 3 năm 2023 đến tháng 3 năm 2024 bị cáo Phạm Văn T đã cho 11 người trên địa bàn huyện C, tỉnh Trà Vinh vay lãi nặng nhiều lần với tổng số tiền cho vay là 380.000.000 đồng, đã thu tổng số tiền lãi và phí vay là 137.960.000 đồng, trong đó số tiền lãi được phép thu theo quy định của pháp luật là 4.899.178 đồng (20%/năm), thu lợi bất chính số tiền 133.060.822 đồng. Hiện nay, người vay còn nợ số tiền gốc của bị cáo là 50.960.000 đồng (trong này: Chị H nợ 30.000.000 đồng, chị L nợ 6.000.000 đồng, chị T4 nợ 3.000.000 đồng, chị L2 nợ 2.400.000 đồng, chị L3 nợ 2.400.000 đồng, chị P nợ 1.440.000 đồng, chị D nợ 1.840.000 đồng, chị T3 nợ 2.760.000 đồng, chị L1 nợ 1.120.000 đồng).

Ngày 27/6/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T ra quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị cáo Phạm Văn T về tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, áp dụng biện pháp ngăn chặn bắt bị cáo tạm giam phục vụ điều tra.

Ngày 07/8/2024, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh ra quyết định chuyển vụ án hình sự đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C để điều tra theo thẩm quyền.

Về trách nhiệm dân sự:

- Đối với người vay: Yêu cầu bị cáo trả lại số tiền đã thu lợi bất chính, gồm:

- + Chị Phạm Thị Ngọc H yêu cầu trả lại 80.086.302 đồng.
- + Chị Nguyễn Thị Ánh T2 yêu cầu trả lại 20.041.096 đồng.
- + Chị Lê Thị L yêu cầu trả lại 15.760.275 đồng.
- + Chị Kiên Thị Mai T4 yêu cầu trả lại 2.835.616 đồng.
- + Chị Nguyễn Thị L2 yêu cầu trả lại 4.158.905 đồng.
- + Chị Tô Thị L3 yêu cầu trả lại 3.836.301 đồng.
- + Chị Dương Thị Thúy P yêu cầu trả lại 1.936.438 đồng.
- + Chị Võ Thị Thùy D yêu cầu trả lại 137.808 đồng.
- + Chị Nguyễn Thị T3 yêu cầu trả lại 206.712 đồng.
- + Chị Lê Thị L1 yêu cầu trả lại 2.025.753 đồng.
- + Chị Nguyễn Thị O yêu cầu trả lại 2.035.616 đồng..

Bị cáo tác động vợ là chị Nguyễn Thị Y thay bị cáo khắc phục hậu quả, trả lại tiền thu lợi bất chính cho người vay. Chị Y đã đến Chi cục thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang gửi số tiền 20.000.000 đồng để đảm bảo khắc phục hậu quả.

- Đối với bị cáo Phạm Văn T: Những người vay có trách nhiệm trả lại cho bị cáo số tiền 50.960.000 đồng, cụ thể:

- + Chị Phạm Thị Ngọc H trả lại 30.000.000 đồng.
- + Chị Lê Thị L trả lại 6.000.000 đồng.

- + Chị Kiên Thị Mai T4 trả lại 3.000.000 đồng.
- + Chị Nguyễn Thị L2 trả lại 2.400.000 đồng.
- + Chị Tô Thị L3 trả lại 2.400.000 đồng,
- + Chị Dương Thị Thúy P trả lại 1.440.000 đồng,
- + Chị Võ Thị Thùy D trả lại 1.840.000 đồng.
- + Chị Nguyễn Thị T3 trả lại 2.760.000 đồng.
- + Chị Lê Thị L1 trả lại 1.120.000 đồng.

Riêng số tiền gốc: 380.000.000 đồng mà bị cáo cho vay lãi nặng và số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự (20%/năm) là 4.899.178 đồng mà bị cáo đã thu của người vay, bị cáo phải nộp lại cho Cơ quan Nhà nước để xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại bản Cáo trạng số: 59/CT-VKS-HS, ngày 25/10/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh, quyết định truy tố bị cáo Phạm Văn T về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa bị cáo Phạm Văn T khai nhận: Hành vi phạm tội của bị cáo đúng bản Cáo trạng mô tả, các biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung bị cáo khai là tự nguyện, đúng sự thật, không ai ép buộc, bị cáo không có ý kiến bổ sung hay khiếu nại gì về bản Cáo trạng, mà thống nhất với quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Tại phiên tòa những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm: Phạm Thị Ngọc H, Nguyễn Thị Ánh T2, Lê Thị L, Nguyễn Thị O, Kiên Thị Mai T4, Nguyễn Thị L2, Tô Thị L3, Dương Thị Thúy P, Võ Thị Thùy D, Nguyễn Thị T3, Lê Thị L1 đều vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên ông Hứa Văn B đại diện cho Cơ quan Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng đã nêu.

Về trách nhiệm hình sự: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Phạm Văn T phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 201; điểm b, s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Đề nghị xử phạt bị cáo từ 06 tháng đến 12 tháng tù. Buộc bị cáo nộp phạt bổ sung số tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng để sung vào Ngân sách Nhà nước.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo trả lại cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án (người vay tiền) số tiền lãi suất thu lợi bất chính tổng cộng là 133.060.822 đồng. Ngoài ra Kiểm sát viên còn đề nghị xử lý tiền liên quan trực tiếp đến hành vi phạm tội của bị cáo, buộc bị cáo nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Phạm Văn T nói lời sau cùng: Bị cáo thừa nhận đã thực hiện hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự nêu trên là vi phạm pháp luật, bị cáo ăn năn hối cải và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Phạm Văn T khai nhận hành vi phạm tội của bị cáo đúng bản Cáo trạng mô tả, phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện:

Trong khoảng thời gian từ tháng 3 năm 2023 đến tháng 3 năm 2024, bị cáo Phạm Văn T đã cho 11 người trên địa bàn huyện C, tỉnh Trà Vinh gồm: Phạm Thị Ngọc H, Nguyễn Thị Ánh T2, Lê Thị L, Nguyễn Thị O, Kiên Thị Mai T4, Nguyễn Thị L2, Tô Thị L3, Dương Thị Thúy P, Võ Thị Thùy D, Nguyễn Thị T3, Lê Thị L1 vay lãi nặng nhiều lần với lãi suất cao gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự (20%/năm), tổng số tiền cho vay là 380.000.000 đồng, đã thu tổng số tiền lãi và phí vay là 137.960.000 đồng, trong đó số tiền lãi được phép thu theo quy định của pháp luật là 4.899.178 đồng (Bốn triệu tám trăm chín mươi chín nghìn một trăm bảy mươi tám đồng), thu lợi bất chính số tiền 133.060.822 đồng (Một trăm ba mươi ba triệu không trăm sáu mươi nghìn tám trăm hai mươi hai đồng). Trong tổng số tiền thu lợi bất chính này có 01 lần bị cáo thu cao nhất là 33.511.644 đồng, các lần còn lại thu lợi bất chính dưới 30.000.000 đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Phạm Văn T thừa nhận đã thực hiện hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, với mức lãi suất cho vay cao hơn gấp 05 lần so với mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự là vi phạm pháp luật.

Từ những chứng cứ, căn cứ nêu trên, có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Phạm Văn T phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 như kết luận của Kiểm sát viên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử đã thẩm tra các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử thấy rằng các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đều đúng quy định pháp luật. Những người tham gia tố tụng không có khiếu nại hoặc có ý kiến nào khác phản đối các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng nên các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo đã xâm phạm trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước về tín dụng mà cụ thể là trật tự trong lĩnh vực kinh doanh

tiền tệ, qua đó xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của người vay, gây tâm lý hoang mang, lo lắng trong quần chúng nhân dân.

Tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự có quy định “Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay ...”. Xét thấy trong thời gian từ ngày từ tháng 3 năm 2023 đến tháng 3 năm 2024, bị cáo Phạm Văn T cho 11 người trên địa bàn huyện C, tỉnh Trà Vinh vay lãi nặng với mức lãi suất cao gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự (20%/năm) cụ thể:

1. Chị Phạm Thị Ngọc H:

- Cho vay lãi đứng: Từ ngày 27/5/2023 đến ngày 06/9/2023, vay 07 lần, tổng số tiền vay là 130.000.000 đồng, lãi suất 730%/năm. Tổng số tiền lãi và phí vay bị can nhận được từ chị H là 72.050.000 đồng, số tiền được phép thu theo quy định của pháp luật là 1.734.247 đồng, thu lợi bất chính số tiền 70.315.753 đồng. Chị H còn nợ tiền gốc 30.000.000 đồng.

- Cho vay lãi góp: Từ tháng 4/2023 đến ngày 27/7/2023, vay 04 lần, mỗi lần góp trong kỳ hạn 25 ngày, tổng số tiền vay là 35.000.000 đồng, lãi suất 365%/năm, tổng số tiền đã góp đến ngày 06/8/2023 là 43.750.000 đồng, tổng số tiền lãi và phí vay bị can T nhận được từ chị H là 10.250.000 đồng, số tiền được phép thu theo quy định của pháp luật là 479.452 đồng, thu lợi bất chính số tiền 9.770.548 đồng. Phần tiền vay này chị H đã trả gốc, lãi và phí vay đầy đủ.

2. Chị Nguyễn Thị Ánh T2: Từ tháng 4/2023 đến ngày 18/7/2023, vay tiền lãi góp được 05 lần, mỗi lần góp trong kỳ hạn 25 ngày, tổng số tiền vay là 70.000.000 đồng, lãi suất 365%/năm, tổng số tiền đã góp đến ngày 11/8/2023 là 87.500.000 đồng, tổng số tiền lãi và phí vay bị can T nhận được từ chị T2 là 21.000.000 đồng, số tiền được phép thu theo quy định của pháp luật là 958.904 đồng, thu lợi bất chính số tiền 20.041.096 đồng. Chị T2 đã trả gốc, lãi và phí vay đầy đủ.

3. Chị Lê Thị L: Từ ngày 15/9/2023 đến ngày 24/01/2024, vay tiền lãi góp được 06 lần, mỗi lần góp trong kỳ hạn 25 ngày, tổng số tiền vay là 60.000.000 đồng, lãi suất 365%/năm, tổng số tiền đã góp đến ngày 02/02/2024 là 67.500.000 đồng, tổng số tiền lãi và phí vay bị can T nhận được từ chị L là 16.500.000 đồng, số tiền được phép thu theo quy định của pháp luật là 739.725 đồng, thu lợi bất chính số tiền 15.760.275 đồng. Hiện nay chị L còn nợ tiền gốc 6.000.000 đồng.

4. Chị Nguyễn Thị O: Từ tháng 3/2023 đến tháng 4/2023, vay tiền lãi góp được 02 lần, tổng số tiền vay là 10.000.000 đồng, lãi suất 243%/năm, tổng số tiền đã góp 12.000.000 đồng, tổng số tiền lãi và phí vay bị cáo nhận là 2.200.000 đồng, số tiền được phép thu theo quy định của pháp luật là 164.384 đồng, thu lợi bất chính số tiền 2.035.616 đồng. Chị O đã trả gốc, lãi và phí vay đầy đủ.

5. Chị Kiên Thị Mai T4: Từ ngày 11/12/2023 đến ngày 27/02/2024, bị can T cho chị T4 vay tiền lãi góp được 04 lần, tổng số tiền vay là 15.000.000 đồng, lãi suất 365%/năm, tổng số tiền đã góp 15.000.000 đồng, tổng số tiền lãi bị cáo nhận là 3.000.000 đồng, số tiền được phép thu theo quy định của pháp luật là 164.384 đồng, thu lợi bất chính 2.835.616 đồng. Hiện nay, chị T4 còn nợ tiền gốc là 3.000.000 đồng.

6. Chị Nguyễn Thị L2: Từ tháng 10/2023 đến ngày 01/02/2024, bị can T cho chị L2 vay tiền lãi góp được 04 lần, tổng số tiền vay là 20.000.000 đồng, lãi suất 365%/năm, tổng số tiền đã góp 22.000.000 đồng, tổng số tiền lãi bị cáo nhận là 4.400.000 đồng, số tiền được phép thu theo quy định của pháp luật là 241.095 đồng, thu lợi bất chính là 4.158.905 đồng. Hiện nay, chị L2 còn nợ tiền gốc là 2.400.000 đồng.

7. Chị Tô Thị L3: Từ tháng 11/2023 đến tháng 02/2024, bị can T cho chị L3 vay tiền lãi góp được 04 lần, tổng số tiền vay là 18.000.000 đồng, lãi suất 365%/năm, tổng số tiền đã góp 19.500.000 đồng, tổng số tiền lãi và phí vay bị cáo nhận là 4.050.000 đồng, số tiền được phép thu theo quy định của pháp luật là 213.699 đồng, thu lợi bất chính 3.836.301 đồng. Hiện nay, chị L3 còn nợ tiền gốc là 2.400.000 đồng.

8. Chị Dương Thị Thúy P: Từ tháng 12/2023 đến tháng 02/2024, vay tiền lãi góp 03 lần, tổng số tiền vay là 9.000.000 đồng, lãi suất 365%/năm, tổng số tiền đã góp 9.450.000 đồng, tổng số tiền lãi và phí vay bị cáo nhận là 2.040.000 đồng, số tiền được phép thu theo quy định của pháp luật là 103.562 đồng, thu lợi bất chính số tiền 1.936.438 đồng. Hiện nay, chị P còn nợ tiền gốc là 1.440.000 đồng.

9. Chị Võ Thị Thùy D: Vào ngày 06/3/2024, vay tiền lãi góp 01 lần, tổng số tiền vay là 2.000.000 đồng, lãi suất 365%/năm, tổng số tiền đã góp 200.000 đồng, tổng số tiền lãi và phí vay bị cáo nhận là 140.000 đồng, số tiền được phép thu theo quy định của pháp luật là 2.192 đồng, thu lợi bất chính số tiền 137.808 đồng. Hiện nay, chị D còn nợ tiền gốc là 1.840.000 đồng.

10. Chị Nguyễn Thị T3: Vào ngày 06/3/2024, vay tiền lãi góp được 01 lần, tổng số tiền vay là 3.000.000 đồng, lãi suất 365%/năm, tổng số tiền đã góp 300.000 đồng, tổng số tiền lãi và phí vay bị cáo là 210.000 đồng, số tiền được phép thu theo quy định của pháp luật là 3.288 đồng, thu lợi bất chính số tiền 206.712 đồng. Hiện nay, chị T3 còn nợ tiền gốc là 2.760.000 đồng.

11. Chị Lê Thị L1: Từ tháng 11/2023 đến tháng 02/2024, vay tiền lãi góp được 02 lần, tổng số tiền vay là 8.000.000 đồng, lãi suất 365%/năm, tổng số tiền đã góp 8.600.000 đồng, tổng số tiền lãi và phí vay bị cáo nhận là 2.120.000 đồng, số tiền được phép thu theo quy định của pháp luật là 94.247 đồng, thu lợi bất chính số tiền 2.025.753 đồng. Hiện nay, chị L1 còn nợ tiền gốc là 1.120.000 đồng.

Tổng số tiền bị cáo cho vay vốn gốc là 380.000.000 đồng, đã thu tổng số tiền lãi và phí vay là 137.960.000 đồng, trong đó số tiền lãi được phép thu theo quy định của pháp luật là 4.899.178 đồng (20%/năm), thu lợi bất chính số tiền lãi suất 133.060.822 đồng, trong tổng số tiền thu lợi bất chính này có 01 lần bị cáo thu cao nhất là 33.511.644 đồng, các lần còn lại thu lợi bất chính đều dưới 30.000.000 đồng, từ đó đã dẫn bị cáo đến con đường phạm tội.

- Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo tác động chị Nguyễn Thị Y (vợ bị cáo) nộp 20.000.000 đồng để khắc phục một phần hậu quả. Đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xét tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, tội phạm hoàn thành, hậu quả đã xảy ra. Trong vụ án này, thông qua giao dịch dân sự hợp đồng vay tài sản, bị cáo cho 11 người vay tiền, bị cáo lấy tiền lãi suất quá cao, cao hơn gấp 05 lần so với khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự quy định, mục đích nhằm thu lợi bất chính với số tiền 133.060.822 đồng, hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra nhiều hệ lụy cho người vay tiền phải trả tiền lãi suất quá cao, làm ảnh hưởng đến đời sống, thu nhập, kinh tế gia đình của người vay tiền, tính đến nay người vay tiền chưa trả hết số tiền gốc cho bị cáo. Hành vi phạm tội của bị cáo gây ra dư luận không tốt trong đời sống xã hội, ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Căn cứ tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ và nhân thân bị cáo, Hội đồng xét xử quyết định xử phạt bị cáo một mức hình phạt tù nhất định, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm giáo dục bị cáo nói riêng và phòng ngừa chung cho xã hội.

Ngoài hình phạt chính là hình phạt tù, Hội đồng xét xử quyết định áp dụng khoản 3 Điều 201 của Bộ luật Hình sự, buộc bị cáo Phạm Văn T nộp phạt bổ sung số tiền 30.000.000 đồng để sung vào Ngân sách Nhà nước.

[2]. Về trách nhiệm dân sự: Đối với số tiền 133.060.822 đồng, đây là số tiền lãi suất của 11 người vay tiền đã đóng cho bị cáo nhận với mức lãi suất cao hơn gấp 05 lần so với khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự quy định, là số tiền thu lợi bất chính. Căn cứ khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số: 01/2021/NQ-HĐTP, ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 201 của Bộ luật Hình sự về việc xét xử án hình sự về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Hội đồng xét xử quyết định buộc bị cáo phải trả lại số tiền thu lợi bất chính là 133.060.822 đồng cho 11 người vay tiền đã đóng bị cáo nhận trước đây.

[3]. Về xử lý tiền liên quan trực tiếp đến hành vi phạm tội:

- Đối với số tiền gốc bị cáo cho vay tổng số tiền là 380.000.000 đồng. Hiện bị cáo đang giữ gốc là 329.040.000 đồng, 11 người vay còn nợ bị cáo số tiền 50.960.000 đồng, cụ thể: Chị Phạm Thị Ngọc H nợ 30.000.000 đồng; chị Lê Thị Lệ N 6.000.000 đồng; chị Kiên Thị Mai T4 nợ 3.000.000 đồng; chị Nguyễn Thị L2 nợ 2.400.000 đồng; chị Tô Thị L3 nợ 2.400.000 đồng; chị Dương Thị Thúy P nợ 1.440.000 đồng; chị Võ Thị Thùy D nợ 1.840.000 đồng; chị Nguyễn Thị T3 nợ 2.760.000 đồng và chị Lê Thị L1 nợ 1.120.000 đồng.

Đây là số tiền gốc bị cáo cho vay để lấy tiền lãi suất cao hơn gấp 05 lần so với khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự quy định. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số: 01/2021/NQ-HĐTP, ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 201 của Bộ luật Hình sự về việc xét xử án hình sự về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Hội đồng xét xử buộc bị cáo và 11 người vay tiền phải nộp lại toàn bộ số tiền gốc tổng cộng là 380.000.000 đồng (trong đó bị cáo nộp 329.040.000 đồng, 11 người vay nộp số tiền gốc còn nợ bị cáo tổng cộng là 50.960.000 đồng) để sung vào Ngân sách Nhà nước.

- Đối với số tiền 4.899.178 đồng, đây là số tiền lãi suất bị cáo được phép thu theo quy định của pháp luật. Do số tiền này xuất phát từ việc thực hiện hành vi phạm tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự mà bị cáo có được. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số: 01/2021/NQ-HĐTP, ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 201 của Bộ luật Hình sự về việc xét xử án hình sự về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Hội đồng xét xử buộc bị cáo Phạm Văn T phải nộp lại số tiền 4.899.178 đồng để sung vào Ngân sách Nhà nước.

[4]. Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Phạm Văn T có nghĩa vụ nộp theo quy định của pháp luật.

[5]. Xét lời luận tội của Kiểm sát viên trình bày về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt, trách nhiệm dân sự; xử lý tiền liên quan trực tiếp đến hành vi phạm tội và án phí hình sự sơ thẩm nêu trên là có căn cứ và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Phạm Văn T phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 201; điểm b, s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 09 (chín) tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày 03 tháng 7 năm 2024.

Buộc bị cáo Phạm Văn T nộp phạt bổ sung số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) để sung vào Ngân sách Nhà nước.

2. Về trách nhiệm dân sự:

- Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; các Điều 584, 585, 586, 588, 589 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Căn cứ khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số: 01/2021/NQ-HĐTP, ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 201 của Bộ luật Hình sự về việc xét xử án hình sự về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

Buộc bị cáo Phạm Văn T có nghĩa vụ trả lại số tiền thu lợi bất chính cho 11 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cụ thể như sau:

1. Trả cho chị Phạm Thị Ngọc H số tiền 80.086.302 đồng (Tám mươi triệu, không trăm tám mươi sáu nghìn, ba trăm lẻ hai đồng).

2. Trả cho chị Nguyễn Thị Ánh T2 số tiền 20.041.096 đồng (Hai mươi triệu, không trăm bốn mươi một nghìn, không trăm chín mươi sáu đồng).

3. Trả cho chị Lê Thị L số tiền 15.760.275 đồng (Mười lăm triệu, bảy trăm sáu mươi nghìn, hai trăm bảy mươi lăm đồng).

4. Trả cho chị Kiên Thị Mai T4 số tiền 2.835.616 đồng (Hai triệu, tám trăm ba mươi lăm nghìn, sáu trăm mười sáu đồng).

5. Trả cho chị Nguyễn Thị L2 số tiền 4.158.905 đồng (Bốn triệu, một trăm năm mươi tám nghìn, chín trăm lẻ năm đồng).

6. Trả cho chị Tô Thị L3 số tiền 3.836.301 đồng (Ba triệu, tám trăm ba mươi sáu nghìn, ba trăm lẻ một đồng).

7. Trả cho chị Dương Thị Thúy P số tiền 1.936.438 đồng (Một triệu, chín ba mươi sau đồng, bốn trăm ba mươi tám đồng).

8. Trả cho chị Võ Thị Thùy D số tiền 137.808 đồng (Một trăm ba mươi bảy nghìn, tám trăm lẻ tám đồng).

9. Trả cho chị Nguyễn Thị T3 số tiền 206.712 đồng (Hai trăm lẻ sáu nghìn, bảy trăm mười hai đồng).

10. Trả cho chị Lê Thị L1 số tiền 2.025.753 đồng (Hai triệu, không trăm hai mươi lăm nghìn, bảy trăm năm mươi ba đồng).

11. Trả cho chị Nguyễn Thị O số tiền 2.035.616 đồng (Hai triệu, không trăm ba mươi lăm nghìn, sáu trăm mười sáu đồng).

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang tiếp tục quản lý số tiền 20.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000542, ngày 10/10/2024 do chị Nguyễn Thị Y (vợ bị cáo Phạm Văn T) nộp để đảm bảo cho việc thi hành án, khi bản án có hiệu lực pháp luật thi hành.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu thêm cho bên được thi hành khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về xử lý tiền liên quan trực tiếp đến hành vi phạm tội:

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số: 01/2021/NQ-HĐTP, ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 201 của Bộ luật Hình sự về việc xét xử án hình sự về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

+ Buộc bị cáo Phạm Văn T nộp lại số tiền gốc 329.040.000 đồng (Ba trăm hai mươi chín triệu, không trăm bốn mươi nghìn đồng) để sung vào Ngân sách Nhà nước.

+ Buộc chị Phạm Thị Ngọc H nộp 30.000.000 đồng; chị Lê Thị L nộp 6.000.000 đồng; chị Kiên Thị Mai T4 nộp 3.000.000 đồng; chị Nguyễn Thị L2 nộp 2.400.000 đồng; chị Tô Thị L3 nộp 2.400.000 đồng; chị Dương Thị Thúy P nộp 1.440.000 đồng; chị Võ Thị Thùy D nộp 1.840.000 đồng; chị Nguyễn Thị T3 nộp 2.760.000 đồng và chị Lê Thị L1 nợ 1.120.000 đồng. Tổng số tiền 11 người vay còn nợ bị cáo số tiền 50.960.000 đồng để sung vào Ngân sách Nhà nước.

- Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số: 01/2021/NQ-HĐTP, ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 201 của Bộ luật Hình sự về việc xét xử án hình sự về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Buộc bị cáo Phạm Văn T nộp lại số tiền lãi suất đã nhận 4.899.178 đồng (Bốn triệu, tám trăm chín mươi chín nghìn, một trăm bảy mươi tám đồng) để sung vào Ngân sách Nhà nước.

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Phạm Văn T có nghĩa vụ nộp 200.000 đồng.

5. Về quyền kháng cáo:

- Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 09 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi cục THADS huyện;
- Công an huyện;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lý Thanh Lâm